

Bản án số: 05/2024/HS-ST

Ngày: 12 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phương, bà Ngô Thị Lệ Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:
Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 148/2023/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 20/10/1995, tại thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ I, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị H1.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 25/02/2014 bị Tòa án Châu Đốc kết án 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” đến ngày 20/12/2014 chấp hành xong. Ngày 18/01/2017 bị Tòa án Châu Đ kết án 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 26/9/2017 chấp hành xong. Ngày 24/4/2019 bị Tòa án Tri T kết án 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 12/8/2021 chấp hành xong.

Bị cáo đang chấp hành cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc Tỉnh An Giang.

2. **Nguyễn Tấn H2**, sinh ngày 12/5/1998, tại huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: sống lang thang; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước H3 và bà Đỗ Thị Lê .

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 26/10/2022 bị Công an thành phố C xử phạt hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2023 đến nay.

3. **Nguyễn Thị T1**, sinh ngày 26/7/1989, tại huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hoàng A và bà Trần Thị K.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/10/2023 đến nay.

4. **Thái Văn Đ1**, sinh ngày 07/5/1994, tại thành phố C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ F, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Thái Kim M.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 10/9/2020 bị Tòa án C buộc áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng đến ngày 07/9/2021 chấp hành xong. Ngày 27/7/2023 bị Tòa án C buộc áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, đang chấp hành.

Bị cáo đang chấp hành cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc Tỉnh An Giang.

- *Bị hại:*

Bà Phan Mộng T2, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Ông Mai Ngọc S1, sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ B, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Ông Huỳnh Bá T3, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Phan Hồng T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ E, ấp L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Ông Võ N, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Long An, vắng mặt;

Bà Trần Thị C, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ H, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Ông Chau K1, sinh năm 1962; nơi cư trú: tổ A, ấp B, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Lâm Hoàng P, sinh năm 2005; Đặng Thị Châu T5, sinh năm 1963; ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1963; ông Lê Hải Kim S2, sinh năm 1994; ông Thiều Văn T6, sinh năm 1982. Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt. Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên Nguyễn Tấn H2 rủ Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị T1, và Thái Văn Đ1 đi trộm cắp tài sản cụ thể:

Khoảng 20 giờ ngày 03/7/2023, H2, S, và T1 đến nhà trọ của Mai Ngọc S3 thuộc tổ B, khóm V, phường N, thành phố C không người trông giữ. T1 đứng bên ngoài cảnh giới, H2, S vào trong tháo gỡ lấy 01 cánh cửa sổ, 09 bộ cửa phòng, 07 bộ cửa nhà vệ sinh, 02 cánh cửa nhà vệ sinh (trị giá 13.090.000 đồng), cả ba mang 01 khung nhôm cửa sổ, 04 cánh cửa phòng, 03 cánh cửa nhà vệ sinh và 09 khung bao cửa phòng bán cho Đặng Thị Châu T5 được 1.160.000 đồng, mua ma túy sử dụng hết; các tài sản khác cất giấu nhiều nơi chờ tiêu thụ.

Đến khoảng 22 giờ ngày 04/7/2023, H2 rủ Đ1 tiếp tục đến nhà trọ của S1, lén vào trong lấy 02 cánh cửa phòng, 02 cánh cửa nhà vệ sinh và 07 khung bao cửa nhà vệ sinh (trị giá 4.090.000 đồng) đã lấy trước đó mang ra ngoài cất giấu cách nhà trọ khoảng 20 mét. Đến khoảng 7 giờ ngày 05/7/2023 S đến chợ gặp T5 và hỏi mượn xe ba gác tự chế chở tài sản đi tiêu thụ thì bị Công an phát hiện. Qua làm việc thì H2, S, T1 và Đ1 khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Quá trình điều tra phát hiện H2 sử dụng xe mô tô biển số 67N3 – 8019 đi thực hiện các vụ trộm cắp như sau:

Vụ 1: Khoảng 17 giờ ngày 20/3/2023, H2 đến nhà của Phan Thị Mộng T7 thuộc tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, thấy trong sân có nuôi gà úp bội, không người trông giữ, H2 trèo hàng rào vào trong bắt lấy 01 con gà trống, lông màu đỏ - vàng trọng lượng 03 kg trị giá 450.000 đồng, mang bán nhưng không được nên H2 mang về nhà ăn.

Vụ 2: Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2023, H2 đến bãi giữ xe của Huỳnh Bá T3 thuộc tổ A, khóm V, phường N, thành phố C, thấy xe mô tô tải biển số 67M – 1261 của Phan Hồng T4 đậu trong bãi, H2 dùng kèm và vít mang theo, lén tháo gỡ lấy bình ắc quy, nhãn hiệu “dongnai” trị giá 1.000.000 đồng, đem bán cho Trần Thị C được 345.000 đồng, tiêu xài hết. Riêng C không biết bình ắc quy do trộm cắp mà có, sau khi mua, bán lại cho người nam được 403.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 03 cánh cửa phòng; 04 cánh cửa nhà vệ sinh có khung bằng nhôm; 02 khung cánh cửa phòng bằng kim loại; 10 thanh khung cửa bằng kim loại kích thước 1,96m; 05 thanh khung cửa bằng kim loại kích thước 0,865m; 02 cánh

cửa phòng bằng khung kim loại 02 cách cửa phòng nhà tắm khung bằng kim loại đã trả cho bị hại Mai Ngọc S1.

- 01 xe tự chế không có gắn biển số đã trả cho Đặng Thị Châu T5.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE 110, biển số 67N3 – 8019 thu giữ của Nguyễn Tấn H2; 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi hình diễn biến Nguyễn Tấn H2 lấy trộm bình ắc quy; Số tiền 403.000 đồng của Trần Thị C; 01 cây kềm kim loại đen; 01 cây vít kim loại (đã bàn giao Cơ quan thi hành án dân sự).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 443, 444 ngày 16/5/2023; số 703 ngày 17/8/2023 và số 736 ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C xác định:

- Tài sản do H2, S, T1 lấy trộm tại nhà trọ Mai Ngọc S1 ngày 03/7/2023 có trị giá 13.090.000 đồng.

- Tài sản do H2, Đ1 lấy trộm tại nhà trọ Mai Ngọc S1 ngày 04/7/2023 có giá trị 4.090.000 đồng.

- Tài sản H2 lấy trộm gồm 01 con gà trị giá 450.000 đồng; 01 bình ắc quy trị giá 1.000.000 đồng.

Cáo trạng số 144/CT-VKS-HS ngày 29/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Nguyễn Văn S theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Tấn H2, Nguyễn Thị T1, Thái Văn Đ1 theo khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật hình sự về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của các bị hại như nội dung Cáo trạng thể hiện. Các bị cáo khi bán tài sản trộm cắp thì không cho biết tài sản do trộm cắp mà có nên bà T5, bà C đã mua. Mục đích các bị cáo trộm cắp tài sản là để tiêu dùng cá nhân và mua ma túy sử dụng.

- Bị cáo S khai, khi mượn xe tự chế của bà T5 thì không cho bà T5 biết để chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ.

- Các bị cáo không có ý kiến đối với Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự; không có ý kiến đối với lời khai của bị hại, người liên quan và người làm chứng. Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến khác.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt sớm trở về với gia đình.

- Phát biểu quan điểm luận tội, Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố.

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Tuy nhiên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm. Bị cáo

H2 là người chủ mưu, rủ rê S và T1, Đ1 và trực tiếp leo vào nhà trọ lấy trộm tài sản và thực hiện 02 vụ trộm riêng lẻ. Bị cáo S, T1, Đ1 có vai trò giúp sức trong vụ án vì vậy phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả xảy ra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc khi lượng hình.

Về nhân thân của các bị cáo thấy rằng, các bị cáo H2, S, Đ1, T1 có nhân thân xấu. Riêng bị cáo S đã bị kết án nhiều lần được các bản án xác định là tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích nay lại vi phạm.

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo; thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H2 từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; Nguyễn Thị T1 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; Thái Văn Đ1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung, các bị cáo thuộc thành phần lao động, không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng.

Vật chứng: 01 xem mô tô biển số 67N3 – 8019 bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 cây kềm, 01 cây vít là công cụ phạm tội không còn giá trị xét tịch thu tiêu hủy. Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video bị cáo H2 lấy trộm bình ắc. Số tiền 403.000 đồng đây là số tiền từ việc bán tài sản mà có nên giao trả cho ông T3.

Về trách nhiệm dân sự, các bị hại yêu cầu bồi thường là đúng nên đề nghị HĐXX buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Về vấn đề khác: Trường hợp bà Đặng Thị Châu T5 và Trần Thị C khi mua tài sản không biết do trộm cắp mà có, tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa. Những người mua lại tài sản từ Tiếng và C, không rõ lai lịch, chưa làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

Về án phí và quyền kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự để giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Xét, các bị cáo không có ý kiến về vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 17 giờ ngày 20/3/2023 bị cáo H2 lén lúc lấy trộm 01 con gà trống của bà T7 trị giá 450.000 đồng.

Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2023, H2 lén lút lấy trộm 01 bình ắc quy của T3 trị giá 1.000.000 đồng.

Khoảng 20 giờ ngày 03/7/2023 và khoảng 22 giờ ngày 04/7/2023 các bị cáo H2, S, T1, Đ1 lén lút lấy trộm tài sản của ông S1 có tổng trị giá 13.090.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản; các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Trong đó đối với Nguyễn Tấn H2, Nguyễn Thị T1 và Thái Văn Đ1 theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù 06 tháng đến 03 năm tù (tội phạm ít nghiêm trọng). Riêng đối với Nguyễn Văn S đã bị kết án nhiều lần và được xác định trong bản án số 07 ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn là tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích nay phạm tội mới nên phải chịu tình tiết định khung là "tái phạm nguy hiểm" tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù 02 đến 07 năm tù (tội phạm nghiêm trọng).

Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về đồng phạm:

Xét về tính chất vụ án, đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc trường hợp giản đơn. Các bị cáo thống nhất ý chí để thực hiện tội phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả xảy ra. Tuy nhiên cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm thấy rằng:

Bị cáo H2 là người chủ mưu, rủ rê và trực tiếp thực hiện trộm tài sản riêng lẻ của bà T7, ông T4, cùng với Đức T8, Sò trộm tài sản của ông S1 nên trong vụ án này bị cáo có vai trò chính và chịu hình phạt cao hơn các đồng phạm khác;

Bị cáo S tuy là đồng phạm có vai trò thực hành cùng bị cáo H2, T8 trộm cắp tài sản của ông S1 trị giá 13.090.000 đồng nhưng bị cáo đã tái phạm nguy hiểm vì vậy hình phạt của bị cáo phải tương xứng với khung hình phạt và hành vi của bị cáo thực hiện;

Bị cáo T8 có vai trò giúp sức cảnh giới cho bị cáo H2, S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông S1 trị giá 13.090.000 đồng nên mức hình phạt của bị cáo T8 phải tương xứng với hành vi của mình.

Bị cáo Đ1 đồng phạm với vai trò thực hành cùng với bị cáo H2 trộm cắp tài sản của ông S1 trị giá 4.090.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình;

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; thuộc thành phần lao động, học lực thấp và không biết chữ nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của các bị cáo thấy rằng, đối với các bị cáo có thân thân xấu bị xử phạt vi phạm hành chính, bị kết án, đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc tỉnh An Giang.

[6] Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Phan Mộng T7 có yêu cầu bồi thường con gà trống trị giá 450.000 đồng. Xét yêu cầu của bà T7 phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H2 bồi thường bà T7 số tiền 450.000 đồng.

Bị hại ông Huỳnh Bá T3 có yêu cầu bồi thường 01 bình ắc quy trị giá 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của ông T3 phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên bị cáo H2 bán cho bà C số tiền 345.000 đồng, bà C bán lại số tiền 403.000 đồng và giao nộp lại số tiền. Do đó số tiền này giao trả cho ông T3. Buộc bị cáo H2 bồi thường cho ông T3 số tiền 597.000 đồng.

Bị hại ông Mai Ngọc S1 yêu cầu bồi thường tài sản bị mất và hư hỏng tổng số tiền 13.090.000 đồng. Xét yêu cầu của ông S1 phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Buộc các bị cáo H2, S, T8, Đ1 liên đới bồi thường cho ông S1 số tiền 13.090.000 đồng.

[8] Vật chứng vụ án:

- Các vật chứng đã được trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết lại.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE 110, biển số 67N3 – 8019 do Chau Konh đứng tên, ông Chau K1 khai bán xe đã lâu. Bị cáo H2 khai đã mua nhưng không óc làm giấy tờ với người mua và đã sử dụng. Bị cáo lấy xe làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi hình diễn biến bị cáo H2 lấy trộm bình ắc quy nên tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án;

- Số tiền 403.000 đồng của Trần Thị C giao nộp; đây là số tiền từ việc bán tài sản mà có nên giao trả cho ông T3.

- 01 cây kềm kim loại đen; 01 cây vít kim loại là công cụ phạm tội, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/01/2024.

[9] Vấn đề khác: Trường hợp bà Đặng Thị Châu T5 và Trần Thị C khi mua tài sản không biết do trộm cắp mà có, tuy không phải xử lý nhưng cần giáo dục tại phiên tòa về việc mua bán tài sản không rõ nguồn gốc. Những người mua lại tài sản từ Tiếng và C, không rõ lai lịch, chưa làm việc được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Tấn H2, Nguyễn Thị T1, Thái Văn Đ1 phải chịu số tiền 654.500 đồng án phí dân sự đối với số tiền bồi thường (13.090.000 đồng). Riêng bị cáo H2 phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng đối với số tiền bồi thường (1.000.000 đồng và 450.000 đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Tấn H2, Thái Văn Đ1, Nguyễn Thị T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn H2 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 03/8/2023 (ngày ba, tháng tám, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/10/2023 (ngày hai mươi lăm, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

Xử phạt bị cáo Thái Văn Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H2 bồi thường cho bà Phan Mộng T7 số tiền 450.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H2 bồi thường cho ông Huỳnh Bá T3 số tiền 597.000 đồng.

Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn H2, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị T1, Thái Văn Đ1 liên đới bồi thường cho ông Mai Ngọc S1 số tiền 13.090.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE 110, biển số 67N3 – 8019;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây kèm kim loại đen; 01 cây vít kim loại.

- Lưu trữ hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD lưu giữ 01 đoạn video clip ghi hình diễn biến bị cáo H2 lấy trộm bình ắc quy;

- Giao trả cho ông Huỳnh Bá T3 số tiền 403.000 đồng.

Đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/01/2024.

4. Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Tấn H2, Nguyễn Thị T1, Thái Văn Đ1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Tấn H2, Nguyễn Thị T1, Thái Văn Đ1 phải chịu số tiền 654.500 đồng án phí dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND thành phố (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương